

Số: 1652/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 27 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt và công bố danh mục kiểm kê di sản văn hóa
trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản Văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 64/TTr-SVHTTDL ngày 25 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt và công bố danh mục kiểm kê di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, trong đó:

1. Di sản văn hóa vật thể: gồm **1.017** di tích, cụ thể:

- *Phân theo cấp độ xếp hạng di tích, gồm:*

+ Di tích quốc gia đặc biệt: 01 di tích

+ Di tích quốc gia: 74 di tích

+ Di tích cấp tỉnh: 256 di tích

+ Di tích được kiểm kê, phân loại, chưa được xếp hạng: 686 di tích

- *Theo loại hình gồm:*

+ Di tích lịch sử: 36 di tích

+ Di tích Kiến trúc - nghệ thuật: 966 di tích, trong đó có 35 phế tích

+ Di tích Khảo cổ: 14 di tích

+ Di tích Danh lam thắng cảnh: 01 di tích

2. Di sản văn hóa phi vật thể theo loại hình: gồm **623** di sản, cụ thể:

- Loại hình Tiếng nói, chữ viết: 04 di sản.

- Loại hình Ngữ văn dân gian: 103 di sản.
- Loại hình Nghệ thuật trình diễn dân gian: 41 di sản.
- Loại hình Tập quán xã hội: 56 di sản.
- Loại hình Lễ hội: 307 lễ hội.
- Loại hình Nghề thủ công truyền thống: 33 di sản.
- Loại hình Tri thức dân gian: 79 di sản.

(Có các phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Chịu trách nhiệm về kết quả tổng hợp, nội dung trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

- Công bố danh mục kiểm kê di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh; bàn giao số liệu, danh mục kiểm kê di sản văn hóa cho các xã, phường, thị trấn *(sau sắp xếp đơn vị hành chính là các xã, phường)* tiếp nhận, quản lý theo phân cấp quản lý. Định kỳ hàng năm tổng hợp số liệu về những biến động tăng, giảm để phục vụ công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh; định kỳ 5 năm thực hiện rà soát và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục kiểm kê di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các cấp nơi có di tích được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này trong phạm vi, nhiệm vụ và quyền hạn của mình chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo phân cấp quản lý đảm bảo đúng quy định của Luật Di sản văn hóa, các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Huy Ngọc

DANH MỤC KIỂM KÊ DI TÍCH
Thời gian kiểm kê: Tính đến hết tháng 6 năm 2025

* Tổng số di tích: 1017; di tích xếp hạng: 331 (quốc gia đặc biệt: 01, quốc gia: 74, cấp tỉnh: 256)

STT	Địa điểm	Số di tích																									Tổng số di tích
		Di tích kiến trúc nghệ thuật																		Di tích lịch sử				Di tích khảo cổ	Di tích danh thắng	Di tích xếp hạng	
		Đình		Chùa		Đền		Miếu		Văn chỉ		Lăng		Nhà thờ họ		Nhà thờ công giáo		Di tích khác		Di tích lưu niệm sự kiện		Di tích lưu niệm danh nhân					
		Còn di tích	Phế tích	Còn di tích	Phế tích	Còn di tích	Phế tích	Còn di tích	Phế tích	Còn di tích	Phế tích	Còn di tích	Phế tích	Còn di tích	Phế tích	Còn di tích	Phế tích	còn di tích	Phế tích	Còn di tích	Phế tích	Còn di tích	Phế tích				
1	Huyện Cẩm Khê	40	0	39	0	17	0	9	0	0	0	1	0	3	0	21	0	0	0	3	0	1	0	0	0	44	134
2	Huyện Đoan Hùng	25	3	31	0	9	1	2	0	0	0	0	0	6	0	10	0	2	0	2	0	2	0	0	0	14	93
3	Huyện Hạ Hòa	13	3	39	1	7	0	7	0	0	0	0	0	2	0	6	0	1	0	8	0	0	0	0	1	22	88
4	Huyện Lâm Thao	39	2	34	0	12	0	14	0	2	0	1	0	13	0	12	0	7	0	0	0	1	0	8	0	48	145
5	Huyện Phù Ninh	22	6	28	0	8	13	10	0	0	0	0	0	6	0	6	0	0	0	5	0	0	0	1	0	19	105
6	Huyện Tam Nông	22	0	33	0	40	1	20	0	0	0	1	0	0	0	8	0	5	1	2	0	1	0	4	0	39	138
7	Huyện Tân Sơn	0	0	1	0	4	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	7
8	Huyện Thanh Ba	21	0	32	0	10	0	5	0	0	0	1	0	1	0	8	0	2	0	1	0	1	0	0	0	19	82
9	Huyện Thanh Sơn	10	1	0	0	1	2	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12	15
10	Huyện Thanh Thủy	20	0	13	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	38	46
11	Huyện Yên Lập	5	0	2	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	3	10
12	Thị xã Phú Thọ	12	0	14	0	4	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	15	31
13	Thành phố Việt Trì	38	0	38	0	22	0	13	0	1	0	2	0	0	0	0	0	5	0	1	0	2	0	1	0	57	123

Tổng số	267	15	304	1	144	17	82	1	3	0	6	0	32	0	71	0	22	1	28	0	8	0	14	1	331	1017
---------	-----	----	-----	---	-----	----	----	---	---	---	---	---	----	---	----	---	----	---	----	---	---	---	----	---	-----	------

PHỤ BIỂU 02

THỐNG KÊ ĐỊA ĐIỂM CÓ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

(Thời gian kiểm kê: Năm 2024 - 2025)

STT	Nơi có loại hình di sản văn hóa phi vật thể	Tiếng nói chữ viết	Ngữ văn dân gian	Nghề thủ công	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Tri thức dân gian	Tập quán xã hội tín ngưỡng	Lễ hội truyền thống	Tổng
1	Thành phố Việt Trì		41	2	4	6	10	58	121
2	Tam Nông		9	4	4		11	39	67
3	Thanh Sơn	2	32	6	18	15	29	12	114
4	Tân Sơn	4	11	2	13	30	24	4	88
5	Thanh Thủy	2	16	5	6	26	16	31	102
6	Cầm Khê			8	3	2	8	42	63
7	Phù Ninh		5	8	4		9	18	44
8	Lâm Thao		14	5	5	1	8	27	60
9	Hạ Hòa		6	3	1		6	10	26
10	Thị xã Phú Thọ		5	3	4		9	16	37
11	Thanh Ba		2	2			9	22	35
12	Yên Lập	3	15	4	14	18	33	7	94
13	Đoan Hùng	1	2	2	5	5	8	21	44
TỔNG CỘNG									895

